

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2020/HNGĐ - PT
Ngày: 09/01/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến

Ông Tạ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLPT- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2019/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hứa Thị Thu H, sinh năm 1985 (Có mặt)

ĐKKHKT: Khu 2, xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Hiện ở: Khu 6, T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1986 (Có mặt)

ĐKKHKT: Khu 2, xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Tiến M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Hứa Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến M có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/01/2009 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống được một thời gian hạnh phúc ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do không hiểu nhau, không hòa hợp được, anh M không có chính kiến, nghe lời bố mẹ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, đánh chửi nhau. Từ tháng 4/2019 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, trong quá trình sống ly thân không ai quan tâm ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Phi T, sinh ngày 09/10/2009 và Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 17/10/2011. Khi ly hôn

chị H xin được nuôi cháu Nguyễn Ngọc O vì chị là phụ nữ hiện tại con cái là quan trọng, cháu là tài sản duy nhất của chị. Chị chỉ mong muốn được nuôi cháu O vì cháu là con gái và hiện nay cháu còn nhỏ. Chị biết con chị rất sợ bố và do cháu chưa có suy nghĩ chín chắn nên cháu viết tự khai muốn ở với bố nhưng thực sự tình cảm mẹ con không thể tách được, trách nhiệm làm mẹ chị rất muốn nuôi cháu, hiện tại chị đang đi làm, có thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 7.000.000đ, bố mẹ chị cũng tạo điều kiện cho chị chỗ ở để nuôi con. Chị đề nghị Tòa án xem xét cho chị nuôi cháu O. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị H xác nhận vợ chồng không vay ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến M trình bày: Anh M xác nhận lời khai của chị H về thủ tục kết hôn và mâu thuẫn của vợ chồng là đúng. Vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, anh đã cố gắng để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thể hàn gắn được. Nay chị H kiên quyết xin ly hôn, anh M nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh M xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Phi T, sinh ngày 09/10/2009 và Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 17/10/2011. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh và ông bà nội. Anh không đồng ý với ý kiến của chị H. Anh mong muốn cả hai vợ chồng phải tôn trọng ý kiến của hai cháu mà hiện nay các cháu đều muốn ở với anh nên anh đề nghị được nuôi cả hai cháu đến khi thành niên. Hiện tại anh làm công trình, công việc làm sơn và thiết kế phòng hát Karaoke thu nhập bình quân khoảng 8 đến 9 triệu/tháng, công việc ổn định. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: anh M đề nghị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ; Về công sức đóng góp: Anh M xác nhận vợ chồng không vay ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2019/HNGĐ-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Áp dụng: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hứa Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến M.

2. Về con chung: Giao cho chị Hứa Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 17/10/2011, giao cho anh Nguyễn Tiến M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phi T, sinh ngày 09/10/2009, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/10/2019, anh Nguyễn Tiến M có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung theo như nguyện vọng của hai cháu.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thời hạn, hình thức đơn kháng cáo của anh M: Đơn làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh M đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung theo như nguyện vọng của hai cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: anh M, chị H đã thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh M chị H đều thống nhất có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 17/10/2011, cháu Nguyễn Phi T, sinh ngày 09/10/2009. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy theo quy định tại điều 71 luật Hôn nhân gia đình cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên nên nguyện vọng được nuôi con của chị H và anh M đều chính đáng. Tuy nhiên khi xem xét, quyết định giao con chung để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho sự phát triển của các cháu thì thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh M trình bày lời khai bất nhất về công việc và nơi ở lúc thì anh khai hiện nay anh làm ở Hà Nội, có lúc anh khai làm ở địa phương. Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm cũng đã ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng anh M không cung cấp. Như vậy cho thấy công việc và thu nhập của anh Mạnh không ổn định nên việc để anh M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là không đảm bảo được cuộc sống của hai cháu.

Cháu Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 17/10/2011, mặc dù về nguyện vọng cháu xin được ở với bố. Tuy nhiên, xét thấy cháu còn rất nhỏ mới được 09 tuổi suy nghĩ chưa đầy đủ, nguyện vọng được ở với bố là để được bố cho đi chơi, nên việc cháu được ở với mẹ sẽ thuận lợi cho việc chăm sóc, gần gũi con, giáo dục giới tính cho con; hơn nữa cháu là con gái nên giao cho chị Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Để đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ và sự phát triển toàn diện nhất cả về thể chất lẫn tinh thần của cháu O và cháu T; tòa án cấp sơ thẩm giao cháu

Nguyễn Ngọc O cho chị Hứa Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Phi T cho anh Nguyễn Tiến M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm anh M không nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ gì, kháng cáo về nuôi cả hai con chung của anh Nguyễn Tiến M không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh M không được chấp nhận nên anh Mạnh phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Tiến M. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng: Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hứa Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến M.

2. Về con chung: Giao cho chị Hứa Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 17/10/2011, giao cho anh Nguyễn Tiến M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phi T, sinh ngày 09/10/2009, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Tiến M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000413 ngày 14/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương